



**CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Phương Vân	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Thanh Hà	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hán Công Khanh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

#### **Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Đức Tùng

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Ban Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính của mình phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Để đảm bảo được tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán Trí Việt phê duyệt Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phạm Thanh Tùng  
Chủ tịch

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2012

Thay mặt Ban Giám đốc



Hân Công Khanh  
Tổng Giám đốc



Số: 257/2012/UHY - BCSX

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 27 tháng 07 năm 2012, trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt tại ngày 30/06/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Tự Trung**  
Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV

**Nguyễn Thị Phương Thảo**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2012	Tại ngày 01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>96.902.301.766</b>	<b>96.383.621.766</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>5.105.636.985</b>	<b>1.457.912.619</b>
1. Tiền	111		5.105.636.985	1.457.912.619
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>180.428.228</b>	<b>104.780.228</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.961.690.853	1.964.100.853
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.781.262.625)	(1.859.320.625)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>69.557.923.782</b>	<b>74.090.929.716</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		63.000.000	63.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		202.375.677	202.375.677
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6.1	47.270.641.322	49.268.399.964
5. Các khoản phải thu khác	138	6.2	22.021.906.783	24.557.154.075
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.058.312.771</b>	<b>20.729.999.203</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		58.388.484	108.044.507
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	21.999.924.287	20.621.954.696
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.732.618.018</b>	<b>8.068.661.415</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.253.817.324</b>	<b>3.695.230.873</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.144.723.172	1.394.650.428
- Nguyên giá	222		4.066.908.021	4.066.908.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.922.184.849)	(2.672.257.593)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	2.109.094.152	2.300.580.445
- Nguyên giá	228		3.323.759.325	3.197.753.685
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.214.665.173)	(897.173.240)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.380.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	10	10.380.000.000	2.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.098.800.694</b>	<b>2.373.430.542</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		626.117.062	900.746.910
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	1.234.683.832	1.234.683.832
4. Tài sản dài hạn khác	268		237.999.800	237.999.800
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>112.634.919.784</b>	<b>104.452.283.181</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2012	Tại ngày 01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.088.941.243</b>	<b>25.713.298.837</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.083.524.893</b>	<b>25.707.882.487</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	29.128.900.000	19.046.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.666.858.217	130.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	30.079.531	62.198.322
5. Phải trả người lao động	315		286.512.069	23.723.333
6. Chi phí phải trả	316	14	2.375.585.660	2.078.625.597
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		1.605.432.254	1.418.073.466
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		78.649.969	73.108.969
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	15	1.911.507.193	2.876.152.800
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.416.350</b>	<b>5.416.350</b>
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5.416.350	5.416.350
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>75.545.978.541</b>	<b>78.738.984.344</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>75.545.978.541</b>	<b>78.738.984.344</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
10. (Lỗ lũy kế)	420		(20.454.021.459)	(17.261.015.656)
<b>II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>112.634.919.784</b>	<b>104.452.283.181</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Tại ngày 30/06/2012	Tại ngày 01/01/2012
6. Chứng khoán lưu ký	006	110.284.110.000	95.267.970.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	110.284.110.000	93.847.570.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	216.570.000	216.380.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	110.067.540.000	93.631.190.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	1.420.400.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	-	1.420.400.000
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	-	374.660.000



Hán Công Khanh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Đức Tùng  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>4.800.482.518</b>	<b>11.871.349.569</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.379.329.580	1.723.259.076
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		496.300	462.906.900
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		532.161	-
Doanh thu khác	01.9		3.420.124.477	9.685.183.593
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>19.852.181</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>4.800.482.518</b>	<b>11.851.497.388</b>
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	18	4.240.955.046	11.569.279.265
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		559.527.472	282.218.123
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	5.057.034.348	8.890.046.567
<b>(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(4.497.506.876)</b>	<b>(8.607.828.444)</b>
Thu nhập khác	31	20	1.304.501.073	5.518.172.640
Chi phí khác	32		-	7.675.500
Lợi nhuận ngoài khác	40		1.304.501.073	5.510.497.140
<b>Tổng (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(3.193.005.803)</b>	<b>(3.097.331.304)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>(Lỗ) lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(3.193.005.803)</b>	<b>(3.097.331.304)</b>



**Hàn Công Khanh**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2012

**Nguyễn Đức Tùng**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	169.683.463	14.353.127.037
Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(1.911.132.455)	(2.254.066.562)
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	-	(330.795.048)
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	249.460.388.352	694.557.076.202
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(242.525.356.432)	(747.205.660.288)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(1.437.493.645)	(6.883.440.698)
Tiền chi trả cho người lao động	11	(1.330.407.900)	(2.397.833.469)
Tiền chi trả lãi vay	12	(1.843.272.631)	(9.221.514.823)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
Tiền thu khác	14	1.319.472.017	578.021.818
Tiền chi khác	15	(3.389.533.568)	(1.289.990.029)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(1.487.652.799)</i>	<i>(60.095.075.860)</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(282.788.963)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	(72.465.996.215)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.648.280.010	55.596.608.579
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.380.000.000)	(48.766.120.581)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.000.000.000	45.757.510.276
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.784.197.155	5.743.234.454
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(4.947.522.835)</i>	<i>(14.417.552.450)</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	47.377.900.000	2.472.912.719.111
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(37.295.000.000)	(2.415.855.286.136)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>10.082.900.000</i>	<i>57.057.432.975</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.647.724.366</b>	<b>(17.455.195.335)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.457.912.619</b>	<b>20.031.171.823</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.105.636.985</b>	<b>2.575.976.488</b>



Hán Công Khanh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Đức Tùng  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép số 351/UBCK-GP ngày 27 tháng 09 năm 2010 và Giấy phép số 359/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010. Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi từ Giấy phép hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thái Bình Dương số 46/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 96.000.000.000 đồng, chia thành 9.600.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần.

Trụ sở chính: Tầng 2, số 142 Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỸ KẾ TOÁN****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Công ty tuân thủ Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC) và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2 KỸ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KỶ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Theo đó, Công ty đã bổ sung thêm thuyết minh số 21 trình bày về vấn đề này.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

Dự phòng giảm giá đối với chứng khoán đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Việc trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:
  - Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (TIẾP)**

- Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì các doanh nghiệp không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phần mềm	03 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

**3.6 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**3.7 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

**Doanh thu môi giới chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

**Doanh thu quản lý danh mục đầu tư**

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị thoả thuận hoặc theo phương pháp tính toán ghi trên từng hợp đồng. Doanh thu được ghi nhận hàng kỳ trên cơ sở phân bổ doanh thu của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hợp đồng.

**Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)*****Doanh thu về vốn kinh doanh***

Doanh thu về vốn kinh doanh phản ánh thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm và kỳ phiếu ngân hàng, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích và được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

***Doanh thu từ hoạt động đầu tư***

Lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư ra bên ngoài dưới hình thức đầu tư chứng khoán dài hạn hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi có bằng chứng xác thực về quyền được nhận cổ tức, số lãi được chia. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức hoặc lãi trái phiếu mà Công ty được chia trong thời gian nắm giữ các loại chứng khoán ngắn hạn.

**3.9 GHI NHẬN CHI PHÍ**

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.10 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trong 6 tháng đầu năm 2012 tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN VỚI NGÂN SÁCH*****Thuế Giá trị gia tăng***

Áp dụng theo Thông tư số 06/2012/TT- BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 10/01/2012 áp dụng từ ngày 01/03/2012. Theo thông tư này thì kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, dịch vụ tổ chức thị trường của các sở hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán, dịch vụ liên quan đến chứng khoán đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Bộ Tài chính sẽ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN VỚI NGÂN SÁCH (TIẾP)**

***Thuế Thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp hằng năm được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, áp dụng mức thuế suất hiện hành tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Công ty đang áp dụng là 25%.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận-hợp-thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tiền mặt	901.791.795	2.830.742
Tiền gửi ngân hàng	159.948.574	36.607.906
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	4.043.896.616	1.418.473.971
	<b>5.105.636.985</b>	<b>1.457.912.619</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Đầu tư cổ phiếu	1.961.690.853	1.964.100.853
Chứng khoán thương mại	1.961.690.853	1.964.100.853
Chứng khoán niêm yết	1.961.690.853	1.964.100.853
Chứng khoán chưa niêm yết	-	-
Đầu tư hợp tác kinh doanh	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.781.262.625)	(1.859.320.625)
	<b>180.428.228</b>	<b>104.780.228</b>

**5.1 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012**

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Các giao dịch của công ty chứng khoán	2.000	39.300.000
Cổ phiếu	2.000	39.300.000
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
Các giao dịch của nhà đầu tư	55.475.073	583.078.667.600
Cổ phiếu	55.452.553	582.944.051.600
Trái phiếu	-	-
Chứng chỉ quỹ	22.520	134.616.000
Các giao dịch của người uỷ thác đầu tư	-	-
	<b>55.477.073</b>	<b>583.117.967.600</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)****5.2 DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

Mã chứng khoán	Số lượng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá thị trường VND	Dự phòng VND
ABT	12	592.000	468.000	124.000
ACB	28	386.796	719.600	-
AGF	2	172.800	65.000	107.800
BHS	6	215.733	109.200	106.533
BVS	80	7.730.732	1.000.000	6.730.732
CIC	60	3.075.000	210.000	2.865.000
CTN	22	917.000	116.600	800.400
DAE	50	5.535.000	460.000	5.075.000
DHG	24	4.084.000	1.524.000	2.560.000
DHI	27	1.192.143	94.500	1.097.643
DMC	6	790.000	164.400	625.600
DRC	12	450.400	313.200	137.200
EBS	62	3.179.213	427.800	2.751.413
FPT	9	1.235.000	423.900	811.100
HAP	2	128.450	11.600	116.850
HNM	40	743.143	260.000	483.143
ILC	70	3.086.700	504.000	2.582.700
ITA	42	1.113.257	289.800	823.457
KHP	9	335.333	72.000	263.333
MHC	5	257.500	12.500	245.000
NTP	100	2.069.332	3.930.000	-
PMT	20.000	1.870.000.000	162.000.000	1.708.000.000
POT	72	1.610.182	806.400	803.782
PPC	5	196.467	51.500	144.967
PVE	80	9.088.000	864.000	8.224.000
RIC	24	1.113.200	168.000	945.200
SAM	18	823.207	140.400	682.807
SAP	10	637.810	95.000	542.810
SC5	9	1.102.420	148.500	953.920
SD6	129	7.750.000	1.238.400	6.511.600
SD9	60	4.793.247	552.000	4.241.247

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)****5.2 DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)**

Mã chứng khoán niêm yết	Số lượng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá thị trường VND	Dự phòng VND
SDA	93	7.355.000	706.800	6.648.200
SJC	51	3.906.000	474.300	3.431.700
SJE	87	5.558.571	765.600	4.792.971
SSI	10	468.714	208.000	260.714
STB	5	162.733	111.000	51.733
TDH	3	189.500	44.400	145.100
TLT	75	2.587.500	277.500	2.310.000
TMC	9	314.250	98.100	216.150
TMS	5	276.000	137.500	138.500
TPH	56	2.490.000	291.200	2.198.800
VIP	6	306.000	39.000	267.000
VNR	120	1.382.806	1.236.000	146.806
VTS	62	2.289.714	992.000	1.297.714
		<b>1.961.690.853</b>	<b>182.621.700</b>	<b>1.781.262.625</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

Chi tiêu	Tại 01/01/2012		Số phát sinh trong kỳ		Tại 30/06/2012		Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng	63.000.000	-	-	-	63.000.000	-	-
2. Trả trước cho người bán	-	-	-	-	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch	49.268.399.964	-	1.075.338.084.617	1.061.712.880.069	47.270.641.322	-	-
- Phải thu của Sở (Trung tâm GDCK	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán (6.1)	49.268.399.964	-	1.059.715.121.427	1.061.712.880.069	47.270.641.322	-	-
3. Trả trước cho người bán	202.375.677	-	-	226.628.088	202.375.677	-	-
4. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	226.628.088	226.628.088	-	-	-
5. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
6. Phải thu khác (6.2)	24.557.154.075	-	15.396.335.102	17.931.582.394	22.021.906.783	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.090.929.716</b>	-	<b>1.090.961.047.807</b>	<b>1.079.871.090.551</b>	<b>69.557.923.782</b>	-	-

**6.1 SỐ PHẢI THU KHÁCH HÀNG VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Tại ngày	Tại ngày
30/06/2012	01/01/2012
VND	VND
3.040.888.150	459.431.240
43.804.409.055	48.651.349.253
425.344.117	157.619.471
<b>47.270.641.322</b>	<b>49.268.399.964</b>

Phải thu của khách hàng về chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán  
Phải thu của khách hàng về các hoạt động hỗ trợ thanh toán tiền mua chứng khoán  
Phải thu khác

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (TIẾP)

## 6.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Phải thu tiền cho vay	21.655.230.833	24.193.078.125
Phải thu tiền gốc vay	21.655.230.833	22.242.726.574
Công ty BĐS Trí Việt	16.033.800.350	15.911.730.359
Bà Đặng Mai Anh	-	700.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Thành	700.000.000	-
Bà Lê Thị Kim Huệ	74.996.215	80.996.215
Ông Phạm Thành Thái Lĩnh	4.846.434.268	5.550.000.000
Phải thu tiền lãi vay	-	1.950.351.551
Công ty BĐS Trí Việt	-	1.163.603.283
Bà Đặng Mai Anh	-	26.040.000
Ông Phạm Thành Thái Lĩnh	-	760.708.268
Phải thu tiền sửa lỗi kỹ thuật	314.075.950	314.075.950
Phải thu khác	52.600.000	50.000.000
	<b>22.021.906.783</b>	<b>24.557.154.075</b>

## 7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tạm ứng	9.216.803.706	7.838.834.115
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	12.783.120.581	12.783.120.581
Đặt cọc thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư	12.783.120.581	12.783.120.581
+ Ông Đặng Vũ Toàn	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Ông Ngô Quang Hóa	2.783.120.581	2.783.120.581
+ Bà Phạm Thị Ân Thoa	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Ông Trần Thanh Minh	2.000.000.000	2.000.000.000
Đặt cọc khác	-	-
	<b>21.999.924.287</b>	<b>20.621.954.696</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	-	3.539.379.973	527.528.048	4.066.908.021
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Tăng do mua mới	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	-	3.539.379.973	527.528.048	4.066.908.021
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	-	2.415.857.010	256.400.583	2.672.257.593
Khấu hao trong kỳ	-	209.480.988	40.446.268	249.927.256
- Trích KH trong kỳ	-	209.480.988	40.446.268	209.480.988
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	-	2.625.337.998	296.846.851	2.922.184.849
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2012	-	1.123.522.963	271.127.465	1.394.650.428
Tại ngày 30/06/2012	-	914.041.975	230.681.197	1.144.723.172

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	2.735.862.935	461.890.750	3.197.753.685
Tăng trong kỳ	126.005.640	-	126.005.640
- Tăng do mua mới	126.005.640	-	126.005.640
Tại ngày 30/06/2012	2.861.868.575	461.890.750	3.323.759.325
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	476.550.454	420.622.786	897.173.240
Khấu hao trong kỳ	283.890.641	33.601.292	317.491.933
- Trích KH trong kỳ	283.890.641	33.601.292	317.491.933
Tại ngày 30/06/2012	760.441.095	454.224.078	1.214.665.173
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2012	2.259.312.481	41.267.964	2.300.580.445
Tại ngày 30/06/2012	2.101.427.480	7.666.672	2.109.094.152

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Bắc	-	2.000.000.000
Công ty CP Phát triển và chuyển giao Công Nghệ AD	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần An Như	4.380.000.000	-
	<b>10.380.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

**11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Biến động của khoản tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	899.477.920	899.477.920
Tiền lãi phân bổ	215.205.912	215.205.912
	<b>1.234.683.832</b>	<b>1.234.683.832</b>

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
NH TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi Đông Đô	11.527.900.000	1.750.000.000
NH TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	8.300.000.000	7.300.000.000
NH TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hà Nội (*)	9.301.000.000	9.996.000.000
	<b>29.128.900.000</b>	<b>19.046.000.000</b>

(\*) Trước đây là Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa - Chi nhánh Hà Nội

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Thuế GTGT	259.873	48.794.342
Thuế thu nhập cá nhân	29.819.658	13.403.980
	<b>30.079.531</b>	<b>62.198.322</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Trích trước chi phí thuê văn phòng	49.396.278	1.253.627.836
Trích trước chi phí lãi vay	2.326.189.382	784.088.670
Trích trước chi phí khác	-	40.909.091
	<b>2.375.585.660</b>	<b>2.078.625.597</b>

## 15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 30/06/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Bảo hiểm xã hội	22.150.090	109.250.403
Doanh thu chưa thực hiện	53.909.092	107.874.182
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.835.448.011	2.659.028.215
<i>Tiền lãi phải trả</i>		-
<i>Phí tư vấn chứng khoán</i>	242.577.738	365.413.282
<i>Tiền nhận đặt cọc của các đối tượng thực hiện môi giới chứng khoán cho Công ty</i>	847.786.221	1.700.000.000
<i>Thuế TNCN chờ xử lý</i>	271.148.901	228.073.038
<i>Tiền nhận đặt cọc văn phòng</i>	365.750.000	327.600.000
<i>Phải trả khác</i>	108.185.151	37.941.895
	<b>1.911.507.193</b>	<b>2.876.152.800</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT**  
Số 142, Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Ngày 01/01/2011	Ngày 01/01/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011		Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012		Ngày 30/06/2011	Ngày 30/06/2012
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
Vốn chủ sở hữu								
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	96.000.000.000	96.000.000.000	-	-	-	-	96.000.000.000	96.000.000.000
- (Lỗ lũy kế)	(8.354.635.399)	(17.261.015.656)	-	(3.097.331.304)	-	(3.193.005.803)	(8.354.635.399)	(20.454.021.459)
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.645.364.601</b>	<b>78.738.984.344</b>	<b>-</b>	<b>(3.097.331.304)</b>	<b>-</b>	<b>(3.193.005.803)</b>	<b>87.645.364.601</b>	<b>75.545.978.541</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Theo đăng ký kinh doanh		Tại ngày 30/06/2012
	Số vốn góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
	96.000.000.000	100%	96.000.000.000
<b>Cổ đông sáng lập</b>			
Ông Phạm Thanh Tùng	9.823.110.000	10,23%	9.823.110.000
Bà Nguyễn Thị Phương Vân	8.956.000.000	9,33%	8.956.000.000
Ông Lê Việt	19.200.000.000	20,00%	19.200.000.000
Ông Phạm Thành Trực	13.150.960.000	13,70%	13.150.960.000
Bà Phạm Thị Thanh Huyền	12.171.290.000	12,68%	12.171.290.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa	2.800.000.000	2,92%	2.800.000.000
Bà Hoàng Phương Thảo	1.400.000.000	1,46%	1.400.000.000
Bà Lê Thanh Nga	4.200.500.000	4,38%	4.200.500.000
Ông Đỗ Thanh Hà	4.506.000.000	4,69%	4.506.000.000
Ông Trần Ngọc Phong	4.235.000.000	4,41%	4.235.000.000
Ông Đoàn Công Quyết	4.050.000.000	4,22%	4.050.000.000
Ông Nguyễn Đức Anh Tuấn	557.140.000	0,58%	557.140.000
Ông Nguyễn Tuấn Thành	50.000.000	0,05%	50.000.000
Ông Dương Hồng Hà	100.000.000	0,10%	100.000.000
Bà Ngô Thu Hà	2.100.000.000	2,19%	2.100.000.000
Bà Đặng Mai Anh	1.000.000.000	1,04%	1.000.000.000
Ông Trần Mỹ Sơn	1.000.000.000	1,04%	1.000.000.000
Bà Vũ Ngọc Ánh	1.200.000.000	1,25%	1.200.000.000
Bà Đinh Thị Kim Tuyền	1.000.000.000	1,04%	1.000.000.000
Ông Hán Công Khanh	200.000.000	0,21%	200.000.000
Ông Vũ Châu Dân	4.300.000.000	4,48%	4.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>96.000.000.000</b>

17. DOANH THU

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.379.329.580	1.723.259.076
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	496.300	462.906.900
Doanh thu lưu ký chứng khoán	532.161	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-
Doanh thu khác	3.420.124.477	9.685.183.593
- Doanh thu chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	272.669.085	504.433.955
- Doanh thu Hỗ trợ thanh toán tiền mua CK	2.965.543.514	8.815.850.117
- Doanh thu Lãi tiền gửi Ngân hàng	169.377.163	354.513.096
- Phí chuyển khoản	12.534.715	10.386.425
- Doanh thu hợp tác đầu tư	-	-
	<b>4.800.482.518</b>	<b>11.871.349.569</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Phí dịch vụ ngân hàng	-	66.000
Phí giao dịch chứng khoán nộp trung tâm	108.461.022	209.868.612
Phí Lưu ký chứng khoán	34.012.425	78.241.466
Chi phí trả lãi tiền gửi nhà đầu tư	310.567.164	194.482.646
Chi phí hoạt động đầu tư CK, góp vốn	700.000	110.782.836
Chi phí trả lãi tiền vay ngân hàng	3.320.801.752	9.953.775.462
Chi phí trả lãi tiền vay cá nhân	287.521.125	37.654.823
Chi phí dự phòng (*)	(78.058.000)	402.124.364
Chi phí tư vấn, môi giới	255.338.181	556.441.433
Chi phí khác	1.611.377	25.841.623
<b>Cộng</b>	<b>4.240.955.046</b>	<b>11.569.279.265</b>

(\*): Chi phí dự phòng tại 30/06/2012 âm là do Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, số cần trích lập tại 30/06/2012 thấp hơn số đã trích lập tại 31/12/2011.

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.834.022.427	3.964.504.053
Chi phí đồ dùng văn phòng	117.848.891	202.004.249
Chi phí khấu hao tài sản cố định	567.419.189	613.987.015
Thuế phí, lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	197.057.939	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.873.437.523	3.030.614.895
Chi phí bằng tiền khác	464.248.379	1.074.936.355
	<b>5.057.034.348</b>	<b>8.890.046.567</b>

**20. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Thu tiền lãi cho vay	912.652.708	4.866.836.416
Thu từ tiền phạt	-	7.984.896
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	15.245.455
Thu từ tiền cho thuê văn phòng	391.247.468	578.021.818
Thu nhập khác	600.897	50.084.055
	<b>1.304.501.073</b>	<b>5.518.172.640</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****21.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay, nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày như tại Thuyết minh số 3.7.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị còn lại	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.105.636.985	1.457.912.619
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	180.428.228	104.780.228
Các khoản phải thu ngắn hạn	82.138.668.686	86.671.674.620
<b>Tổng</b>	<b>87.424.733.899</b>	<b>88.234.367.467</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	29.128.900.000	19.046.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.605.432.254	1.418.073.466
Chi phí phải trả	2.375.585.660	2.078.625.597
Phải trả người bán	1.666.858.217	130.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.911.507.193	2.876.152.800
<b>Tổng</b>	<b>36.688.283.324</b>	<b>25.548.851.863</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>50.736.450.575</b>	<b>62.685.515.604</b>

Tại ngày 30/06/2012 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**21. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****21.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến các công cụ tài chính của Công ty là thấp.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ những khoản vay chịu lãi suất phát sinh với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Hà Nội. Công ty chịu những rủi ro lãi suất do những thay đổi trong chính sách về lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì tỷ lệ dư nợ vay hợp lý

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Rủi ro về giá cổ phiếu tại Công ty là thấp do danh mục các khoản đầu tư hiện tại của Công ty là các khoản đầu tư còn lại từ Công ty Chứng khoán Thái Bình Dương chuyển sang. Hiện tại, Công ty không còn nghiệp vụ tự doanh chứng khoán nên rủi ro về giá cổ phiếu được xác định ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng sau đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi, nếu có. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****21.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>30/06/2012</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	29.128.900.000	-	29.128.900.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.605.432.254		1.605.432.254
Chi phí phải trả	2.375.585.660		2.375.585.660
Phải trả người bán	1.666.858.217		1.666.858.217
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.911.507.193		1.911.507.193
	<u>36.688.283.324</u>	<u>-</u>	<u>36.688.283.324</u>
<b>31/12/2011</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	19.046.000.000		19.046.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.418.073.466		1.418.073.466
Chi phí phải trả	2.078.625.597		2.078.625.597
Phải trả người bán	130.000.000		130.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.876.152.800		2.876.152.800
	<u>25.548.851.863</u>	<u>-</u>	<u>25.548.851.863</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>30/06/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.105.636.985			5.105.636.985
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	180.428.228			180.428.228
Các khoản phải thu ngắn hạn	82.138.668.686			82.138.668.686
	<u>87.424.733.899</u>	<u>-</u>	<u>0</u>	<u>87.424.733.899</u>
<b>31/12/2011</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.457.912.619			1.457.912.619
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	104.780.228			104.780.228
Các khoản phải thu ngắn hạn	86.671.674.620			86.671.674.620
	<u>88.234.367.467</u>	<u>-</u>	<u>0</u>	<u>88.234.367.467</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**21. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****21.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng trích lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng. Thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bản cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4 Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi Ngân hàng là thấp.

*Các công cụ tài chính khác*

Các công cụ tài chính khác của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn liên quan tới các đối tác kinh doanh và bên liên quan và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**21.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Quản lý rủi ro tín dụng (tiếp)

	Tổng cộng		Không quá hạn và không bị suy giảm		Quá hạn nhưng không bị suy giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
			<90 ngày	91 - 180 ngày	181 - 210 ngày	>210 ngày	
<b>30/06/2012</b>							
Tiền gửi ngân hàng	4.203.845.190	4.203.845.190					
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.104.868.336	8.873.596.215	900.000.000	48.170.641.322	8.047.630.799	113.000.000	
Các khoản cho các bên liên quan vay	16.033.800.350	4.563.800.350	-	11.470.000.000	-	-	
<b>01/01/2012</b>							
Tiền gửi ngân hàng	1.455.081.877	1.455.081.877	-	-	-	-	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	69.596.340.978	20.214.941.014	-	49.268.399.964	-	-	113.000.000
Các khoản cho các bên liên quan vay	17.075.333.642	1.386.253.283	-	-	15.689.080.359	-	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**21. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**21.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn thuế AAT.



**Hàn Công Khanh**  
Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2012*

**Nguyễn Đức Tùng**  
Kế toán trưởng